



International Association
of Deposit Insurers

Tháng 03/2013

**HƯỚNG DẪN NÂNG CAO
VỀ
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ
Hạn mức Bảo hiểm tiền gửi**

Tài liệu hướng dẫn

Thực hiện bởi Ủy ban Nghiên cứu và Hướng dẫn
Hiệp hội BHTG quốc tế

C/O BANK FOR INTERNATIONAL SETTLEMENTS
CENTRALBAHNPLATZ 2, CH-4002 BASEL, SWITZERLAND
TEL: +41 61 280 9933 FAX: + 41 61 280 9554

WWW.IADI.ORG

(Đơn vị chuyển ngữ: Phòng NCTH & HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)

Mục lục

Tóm tắt và đề xuất hướng dẫn bổ sung

I. Giới thiệu và mục tiêu

II. Phương pháp luận

III. Ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng tài chính đối với hạn mức bảo hiểm tiền gửi

IV. Xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm phù hợp

V. Tác động của hạn mức đến vai trò của bảo hiểm tiền gửi

VI. Kết luận

Tài liệu tham khảo

Tóm tắt và đề xuất hướng dẫn bổ sung

Tài liệu này xem xét hạn mức BHTG và đề xuất hướng dẫn bổ sung cho hoạt động bảo hiểm tiền gửi (BHTG) hiệu quả theo yêu cầu của Ủy ban ổn định tài chính (FSB) *Đánh giá về các hệ thống BHTG: Báo cáo đánh giá đồng đẳng*. FSB yêu cầu hướng dẫn bổ sung các vấn đề hạn mức, bao gồm đạt được sự cân bằng hợp lý giữa bảo vệ người gửi tiền, ổn định tài chính và kỷ luật thị trường; các biện pháp để đảm bảo kỷ luật thị trường khi hạn mức bảo hiểm đạt mức rất cao (chẳng hạn như nhấn mạnh nhiều hơn vào quản lý và can thiệp sớm); và các cách thức giám sát tính hiệu quả của hạn mức bảo hiểm.

Theo thông lệ, phạm vi và mức độ bảo hiểm tiền gửi được ấn định để cân bằng các mục tiêu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là ổn định tài chính và bảo vệ người gửi tiền với các giải pháp cho người gửi tiền thực hiện kỷ luật thị trường nhằm hạn chế việc ngân hàng theo đuổi hoạt động rủi ro (risk-taking) và rủi ro đạo đức.¹ Tuy nhiên, kinh nghiệm trong 20 năm qua—và đặc biệt trong suốt cuộc khủng hoảng tài chính—cho thấy cách tiếp cận này có những khó khăn không nhỏ. Hầu hết người gửi tiền, nếu không được bảo vệ thích hợp, sẽ chạy khỏi cả các ngân hàng lành mạnh và ngân hàng yếu. Hậu quả là, hạn mức thấp—bao gồm mức độ và phạm vi—có thể gây ra việc rút tiền ồ ạt của người gửi tiền từ đó tác động không tốt tới sự ổn định tài chính. Ngoài ra, hầu hết người gửi tiền—cả cá nhân và tổ chức—nhìn chung đều ít có khả năng thực hiện kỷ luật thị trường hiệu quả. Điển hình là, chỉ một số lượng nhỏ những người gửi tiền có số dư tiền gửi lớn có khả năng làm như vậy. Do đó, rủi ro đạo đức được giảm thiểu tốt nhất bằng hành vi của một số lượng nhỏ người gửi tiền có số dư tiền gửi lớn và bằng các biện pháp tác động tới ban quản trị ngân hàng và các giám đốc, cổ đông và chủ nợ không được bảo đảm.

Một quan điểm đặc thù hơn về hạn mức BHTG mới xuất hiện khi chức năng nổi trội nhất của hạn mức là nâng cao niềm tin, ổn định tài chính và ngăn chặn sự rút tiền ồ ạt mất kiểm soát. Điều này có thể thực hiện được thông qua: 1) bảo hiểm toàn bộ nhưng không phải tất cả, người gửi tiền và đảm bảo rằng người gửi tiền được thông tin về những hạn chế của hạn mức (bao gồm mức độ và phạm vi bảo hiểm); và 2) đảm bảo rằng một tỉ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo hiểm toàn bộ. Do phần lớn người gửi tiền thực thi kỷ luật thị trường hạn chế, bảo hiểm toàn bộ phần lớn người gửi tiền trong khi vẫn đảm bảo một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo hiểm sẽ không làm cho vấn đề rủi ro đạo đức trở nên xấu hơn.²

Trong trường hợp khi mà số liệu cần thiết có thể tiếp cận được, một quy trình lặp lại có thể được sử dụng để quyết định hạn mức. Các cơ quan có thẩm quyền: 1) xác định mức độ và phạm vi hạn mức bảo vệ toàn bộ phần lớn người gửi tiền³; 2) ước lượng giá trị tiền có nguy

¹ Rủi ro đạo đức xảy ra khi các cá nhân không phải chịu rủi ro và hành động khác với khi có nguy cơ bị rủi ro. Rủi ro đạo đức xảy ra do một cá nhân hay tổ chức hành động ít cẩn thận hơn đáng lẽ ra phải làm, khiến bên khác phải chịu trách nhiệm về hậu quả của các hành động đó. Trong trường hợp bảo hiểm tiền gửi, rủi ro đạo đức xảy ra khi người gửi tiền và các cổ đông khác phớt lờ hành vi chấp nhận rủi ro của các ngân hàng nhận tiền gửi hoặc các khoản nợ khác. Hành vi này tạo cho các tổ chức được bảo hiểm một động lực sử dụng các khoản tiền gửi được bảo hiểm với chi phí thấp hơn thực hiện các dự án có rủi ro cao hơn mà trong trường hợp khác không khả thi. Xem Hướng dẫn tăng cường các hệ thống BHTG hiệu quả: Giảm thiểu rủi ro đạo đức, dự thảo của IADI tháng 12 năm 2012.

² Ngoài ra, người ta có thể lập luận rằng hệ thống BHTG có thể có ở một mức độ nào đó hoạt động như đại diện, ở mức độ nào đó, cho kỷ luật thị trường mà đáng lẽ được những người gửi tiền được bảo hiểm áp dụng.

³ Chẳng hạn, nếu tiền gửi được phân phối chuẩn, một quốc gia có thể thiết lập một hạn mức bảo hiểm chiếm 90-95% tổng số người gửi tiền. Nếu phân phối tiền gửi là đối xứng lệch, với một số lượng người gửi tiền nhỏ nắm giữ một giá trị tiền gửi cao, thì mức bảo hiểm mục tiêu cao hơn có thể đảm bảo tốt hơn việc phần lớn người gửi tiền được bảo vệ.

cơ rủi ro và xác suất đổ vỡ; và 3) tính toán các nguồn cấp vốn đủ và sẵn có để đảm bảo rằng hạn mức bảo hiểm tiền gửi đưa ra là đáng tin cậy.

Đề xuất hướng dẫn bổ sung:

1. Các tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần có cách tiếp cận thông tin người gửi tiền kịp thời, chi tiết và chính xác cho phép các tổ chức này quyết định số lượng người gửi tiền, tài khoản người gửi tiền và giá trị tiền gửi phải trả tương ứng cho bất kỳ hạn mức bảo hiểm cụ thể nào (mức độ và phạm vi).

2. Hạn mức BHTG mục tiêu nên được quyết định trên cơ sở phân tích chi tiết người gửi tiền (tiền gửi) chịu rủi ro mất mát. Hạn mức BHTG cần được xây dựng dựa trên các mục tiêu chính sách, để hầu hết người gửi tiền cá nhân tại các tổ chức được bảo hiểm có nguy cơ rủi ro được bảo hiểm toàn bộ, trong khi vẫn đảm bảo một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo hiểm.

3. Xét về phạm vi hạn mức cụ thể, các hình thức tiền gửi được bảo hiểm cần bao gồm những hình thức điển hình do những người gửi tiền cá nhân và tổ chức sử dụng. Cần xem xét để loại bỏ một số hình thức tiền gửi nhất định (chẳng hạn như tiền gửi liên ngân hàng, tiền gửi của các cơ quan chính phủ) và người gửi tiền (chẳng hạn như giám đốc, cổ đông lớn và kiểm toán ngân hàng). Tuy nhiên, lợi ích của việc loại bỏ các loại tiền gửi và người gửi tiền nhất định cần được cân nhắc vì những sự phức tạp có thể phát sinh trong việc cần nhanh chóng xác định hạn mức và tiến hành chi trả kịp thời.

4. Trong trường hợp có thể tiếp cận các số liệu cần thiết, có thể sử dụng một quy trình lặp lại để xác định hạn mức phù hợp.

a. Xác định hạn mức bảo vệ toàn bộ phần lớn người gửi tiền cá nhân. Hạn mức này có thể dao động lên tới 90-95% tổng số người gửi tiền.

b. Ước tính giá trị tiền gửi chịu rủi ro mất mát và xác suất đổ vỡ. Các phương pháp ước lượng có thể mang tính kỹ thuật (chẳng hạn như giá trị chịu rủi ro hoặc xác suất đổ vỡ ngân hàng) hoặc trực tiếp hơn (như bảo hiểm được một số lượng nào đó các ngân hàng có quy mô nhỏ và vừa).

c. Các yêu cầu cấp vốn để hỗ trợ hạn mức bảo hiểm được kiểm tra nhằm đảm bảo rằng phải cấp đủ vốn cho một mức tổn thất nhất định, bất kể từ cơ chế BHTG cấp vốn trước hoặc cơ chế cấp vốn sau được bảo đảm.

d. Nếu các yêu cầu cấp vốn không thực tế và nguồn lực chưa sẵn sàng, sẽ phải điều chỉnh hạn mức bảo hiểm.

5. Để đáp ứng được điều kiện hạn mức bảo hiểm tiền gửi, quyền sở hữu, bản chất, và mục đích của sản phẩm tiền gửi (đã có hoặc mới) phải được xác định một cách dễ dàng. Nếu thông tin này không dễ thiết lập, việc mở rộng hạn mức cho các khoản tiền gửi như vậy có thể không tương thích với các mục tiêu chính sách công mở rộng của hệ thống BHTG.

6. Nếu tiền gửi bằng đồng ngoại tệ được sử dụng rộng rãi ở một quốc gia, một cách thức hiệu quả là bảo hiểm cho số tiền gửi đó. Nếu nước sở tại muốn tránh rủi ro về tỷ giá trong trường hợp xảy ra đổ vỡ ngân hàng, những người nắm giữ tiền gửi bằng đồng ngoại tệ nên

chỉ được bồi thường bằng đồng nội tệ. Có thể xem xét trường hợp ngoại lệ là các hệ thống trong đó đồng ngoại tệ đóng vai trò lớn hơn đồng nội tệ và việc bồi thường cho người gửi tiền bằng đồng nội tệ có thể làm xói mòn niềm tin.

7. Tất cả các ngân hàng, bao gồm các ngân hàng có tầm quan trọng mang tính hệ thống và các ngân hàng sở hữu nhà nước, phải tham gia vào hệ thống BHTG. Để tránh những biến dạng trong cạnh tranh gây ra bởi chính sách, những người gửi tiền ở bất kỳ loại hình tổ chức nhận tiền gửi nào cũng cần hướng tới một hạn mức bảo hiểm như nhau.

8. Nếu một ngân hàng nước ngoài chỉ tham gia vào hệ thống BHTG của nước sở tại, thì xác định hạn mức theo các quy định của hệ thống ở nước sở tại là một cách thức hiệu quả.

9. Hạn mức bảo hiểm cần được đánh giá thường xuyên. Khi điều chỉnh hạn mức bảo hiểm, cách thức hiệu quả của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tính tới lạm phát, những thay đổi về thu nhập thực tế, cơ cấu và quy mô tiền gửi, những kỳ vọng của các bên liên quan, sự phát triển của các sản phẩm tiền gửi mới, yêu cầu cấp vốn bổ sung, và các yếu tố khác mà có thể ảnh hưởng tới mục tiêu chính sách công của hệ thống BHTG.

10. Để có một hệ thống BHTG đáng tin cậy và hiệu quả, công chúng cần được thông báo trước về hạn mức bảo hiểm (cả mức độ và phạm vi bảo hiểm) và cách thức áp dụng những hạn mức đó.

I. Giới thiệu và mục tiêu

Vào tháng 2 năm 2012, Ủy ban ổn định tài chính (FSB) đã hoàn thành đánh giá đồng đẳng hệ thống BHTG sử dụng *Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả (Các nguyên tắc cơ bản)* như là một chuẩn mực.⁴ *Đánh giá về các hệ thống BHTG của FSB: Báo cáo Đánh giá Đồng đẳng (Đánh giá đồng đẳng về BHTG của FSB)* đánh giá về các hệ thống BHTG của các nước thành viên của FSB và rút ra những bài học từ kinh nghiệm của họ về tính hiệu quả của các cải cách được thực hiện nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng tài chính gần đây.⁵ *Báo cáo đánh giá đồng đẳng về BHTG của FSB* xác định các lĩnh vực nhất định trong *Các nguyên tắc cơ bản* cần thêm sự chính xác về cách thức đạt được sự tuân thủ hoặc phản ánh tốt hơn các thông lệ tốt nhất, gồm cả tính hiệu quả và hợp lý của hạn mức bảo hiểm.⁶

Về chủ đề hạn mức BHTG, Báo cáo đồng đẳng về BHTG của FSB quan sát thấy từ khi cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu vào năm 2007, vai trò của BHTG trong việc tăng cường sự ổn định tài chính đã được nhấn mạnh ở mọi quan tâm về rủi ro đạo đức.⁷ Họ yêu cầu các nước phải đánh giá các nguyên tắc về hạn mức BHTG nhằm đảm bảo sự cân bằng phù hợp giữa việc bảo vệ người gửi tiền và kỷ luật thị trường đồng thời với việc tăng cường ổn định tài chính. Tại những quốc gia có hạn mức bảo hiểm cao, người ta đã đề xuất các biện pháp bổ sung nhằm giảm thiểu rủi ro đạo đức.

FSB lưu ý rằng những khác biệt về hạn mức giữa các tổ chức hoạt động trong một quốc gia có thể ảnh hưởng tiêu cực tới tính hiệu quả của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và cần phải tránh. FSB cũng lưu ý rằng hạn mức bảo hiểm trên toàn hệ thống ngân hàng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể tạo ra nhận thức vào những thời điểm căng thẳng rằng một số khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không được chi trả trong trường hợp đổ vỡ ngân hàng (lớn) và cần phải tránh. Thay vào đó, một hạn mức như vậy có thể đi cùng với cơ chế rõ ràng để giải quyết vấn đề chi trả vượt quá số tiền được bảo hiểm.

Cuối cùng, FSB nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giám sát tính hiệu quả và hợp lý của các quy định hạn mức BHTG. Do khá ít quốc gia thành viên FSB thường xuyên thu thập và đánh giá số liệu thống kê cần thiết cho nhiệm vụ này, FSB đang soạn thảo hướng dẫn bổ sung-lý tưởng nhất là một tiêu chuẩn khách quan-để giám sát tính hiệu quả và sự phù hợp của hạn mức.

Hướng dẫn hiện tại về hạn mức BHTG có trong *Các nguyên tắc cơ bản* (Nguyên tắc 9 và các Quan điểm Hướng dẫn Hỗ trợ). Hướng dẫn này có mục đích tăng cường việc xác định hợp lý

⁴ Xem, Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG của BSBC/IADI (sau đây được gọi là *Các nguyên tắc cơ bản*) tháng 6 năm 2009. http://www.financialstabilityboard.org/cos/cos_090618.htm

⁵ Xem, *Đánh giá các hệ thống BHTG của FSB: Báo cáo đánh giá đồng đẳng (sau đây được gọi là Đánh giá đồng đẳng về BHTG của FSB)* ngày 8 tháng 2 năm 2012 http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_120208.pdf.

⁶ Các chủ đề được xác định trong *Đánh giá đồng đẳng về BHTG của FSB* là: giám sát mức độ đủ vốn của hạn mức, xử lý rủi ro đạo đức, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả và hạn mức trong các trường hợp nhiều hệ thống BHTG (DISs), triển khai việc lên kế hoạch kịch bản nhằm đảm bảo sự sẵn sàng chi trả, tìm hiểu tính khả thi và kỳ vọng của việc sử dụng cơ chế cấp vốn trước nhiều hơn và xây dựng các cơ chế thích hợp nâng cao nhận thức công chúng.

⁷ Xem *Đánh giá đồng đẳng về BHTG của FSB*, trang 28-9.

hạn mức BHTG cho các nước đang xây dựng hoặc đang củng cố hệ thống BHTG. Hướng dẫn này phản ánh và có thể thích ứng với một phạm vi rộng các điều kiện, hoàn cảnh và cấu trúc.

Nguyên tắc 9: Hạn mức

Các nhà hoạch định chính sách cần định nghĩa rõ ràng trong Luật, các quy định đảm bảo an toàn hoặc theo pháp luật tiền gửi được bảo hiểm là gì. Hạn mức bảo hiểm phải được giới hạn nhưng phải đáng tin cậy và có thể được xác định nhanh chóng. Hạn mức phải bảo vệ phần lớn người gửi tiền để đáp ứng mục tiêu chính sách công của hệ thống và nhất quán với các đặc điểm hệ thống BHTG khác.

Giải thích và Hướng dẫn Hỗ trợ: Trong định nghĩa tiền gửi được bảo hiểm là gì, các nhà hoạch định chính sách cần xem xét tầm quan trọng tương đối của các sản phẩm tiền gửi khác nhau, bao gồm tiền gửi bằng ngoại tệ, các loại tiền gửi của người nước ngoài, liên quan đến các mục tiêu chính sách công của hệ thống.

Các giới hạn của hạn mức bảo hiểm cần có giới hạn và có thể được thiết lập thông qua một cuộc kiểm tra các dữ liệu thích hợp như các thông tin thống kê mô tả quy mô phân bổ tiền gửi tại các ngân hàng. Điều này giúp các nhà hoạch định chính sách đo lường khách quan, chẳng hạn như tỷ lệ người gửi tiền được bảo hiểm, nhằm đánh giá sự phù hợp của một hạn mức nhất định. Hạn mức bảo hiểm như nhau được áp dụng cho tất cả các ngân hàng trong hệ thống BHTG.

Hạn mức bảo hiểm cần được xem xét lại và điều chỉnh khi cần thiết do các yếu tố như: lạm phát, tăng trưởng thu nhập thực tế, sự phát triển của các công cụ tài chính mới, và sự tác động của các yếu tố trên đến thành phần và quy mô của tiền gửi.

Hệ thống BHTG thường phát triển trong giai đoạn khủng hoảng. Sau mỗi giai đoạn khủng hoảng tài chính lớn, vai trò của BHTG thường được đánh giá lại, và thường được tăng cường. Khủng hoảng ngân hàng dẫn đến một số hạn chế nhỏ của mạng an toàn công và dẫn đến những thay đổi trong vai trò và nhiệm vụ của các cơ quan trong mạng an toàn tài chính. Ở mỗi giai đoạn của quá trình phát triển, các giả định được sửa đổi và mối quan hệ tương hỗ giữa các cơ quan trong mạng an toàn được tăng cường. Theo Bộ Nguyên tắc cơ bản đề xuất, hướng dẫn về các thông lệ bảo hiểm tiền gửi hiệu quả cũng cần được cải thiện.

Khi khủng hoảng được ngăn chặn, mối quan tâm về chính sách có xu hướng chuyển sang hạn chế biến dạng thị trường do việc bảo vệ người gửi tiền. Lập luận cho rằng, nếu phần lớn người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ thì các tổ chức nhận tiền gửi có thể chấp nhận rủi ro quá mức. Mối quan ngại này đã dẫn đến việc cần tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa bảo vệ người gửi tiền và hạn chế rủi ro đạo đức. Giới hạn phạm vi bảo hiểm cần được tìm hiểu nhằm bảo vệ thích đáng người gửi tiền nhỏ nhưng để một lượng tiền gửi đủ lớn chịu rủi ro. Đổi lại, phạm vi bảo hiểm giới hạn sẽ áp đặt kỷ luật của người gửi tiền lên việc quản lý ngân hàng và giúp hạn chế rủi ro quá mức đối với hệ thống tài chính.

Một số cơ chế đã được sử dụng nhằm xác định giới hạn phù hợp của hạn mức bảo hiểm tiền gửi⁸. Việc tiếp cận sớm là để xem xét sự phân phối thống kê hạn mức của nhiều quốc gia.

⁸ Xem, Hoelscher, Taylor and Klueh (2006) and Garcia, G. G. H. (2000) on the following and other approaches to and mechanisms for setting coverage limits.

Trong khi không phải là một khuyến nghị chính sách, các nhà nghiên cứu lưu ý rằng, trung bình hạn mức bảo hiểm tiền gửi cao gấp hai lần GDP bình quân đầu người. Tuy nhiên, có nhiều hạn mức quanh mức trung bình đó phản ánh các điều kiện khác nhau trong hệ thống ngân hàng và sự khác biệt trong việc giám sát và quản lý. Một nỗ lực để giới thiệu một cách tiếp cận chính sách mạnh mẽ hơn là gợi ý về quy tắc “80/20”: bảo hiểm toàn bộ 80% số người gửi tiền nhưng chỉ 20-30% giá trị của các khoản tiền gửi. Việc phân tích để ủng hộ biện pháp này bị hạn chế nhưng nhấn mạnh vào sự cần thiết để cân bằng giữa việc bảo vệ người gửi tiền và kỷ luật thị trường.

II. Phương pháp luận

Bài viết này dựa trên nghiên cứu và các ấn phẩm về hạn mức bảo hiểm tiền gửi và các vấn đề liên quan và kinh nghiệm của các nước khác nhau về hạn mức hiệu quả và phù hợp dưới tác động của cuộc khủng hoảng tài chính gần đây. Phần còn lại của bài viết được trình bày như sau. Phần III thảo luận về tác động của các cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với hạn mức bảo hiểm tiền gửi. Phần IV xem xét cách xác định hạn mức và trình bày một phương pháp để xác định hạn mức phù hợp. Phần V đánh giá các tác động của hạn mức đối với vai trò của bảo hiểm tiền gửi trong mạng an toàn, và cuối cùng là Phần kết luận.

III. Ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng tài chính đối với hạn mức bảo hiểm tiền gửi

Theo truyền thống, hạn mức trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi được thiết lập để cân bằng việc bảo vệ người gửi tiền nhỏ có ít khả năng giám sát và đánh giá ngân hàng với các động cơ cho các ngân hàng theo đuổi rủi ro lớn hơn do việc bảo hiểm đó tạo ra. Mối quan tâm được đưa ra bởi các tổ chức bảo hiểm và các nhà nghiên cứu là việc làm cho người gửi tiền không nhạy cảm với rủi ro (vì họ được bảo vệ) khiến tăng rủi ro đạo đức. Người gửi tiền với số dư vượt mức bảo hiểm (tương đối thấp) phải đối diện với rủi ro đổ vỡ của một ngân hàng và được kỳ vọng thi hành kỷ luật thị trường để hạn chế rủi ro ngân hàng. Do đó, hệ thống bảo hiểm tiền gửi cân bằng các mục tiêu xung đột với nhau trong việc bảo hiểm phần lớn người gửi tiền trong khi vẫn giữ tổng giá trị của các khoản tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ thấp.

Có ba khó khăn đáng kể với cách tiếp cận này. Thứ nhất, kinh nghiệm cho thấy rằng hầu hết người gửi tiền sẽ rút tiền nếu có bất kỳ thiệt hại nào với khoản tiền gửi của họ. Do đó, hạn mức thấp thúc đẩy những người gửi tiền rút tiền và làm suy yếu sự ổn định tài chính. Thứ hai, hầu hết người gửi tiền cá nhân không có đủ kỹ năng và tiếp cận với các thông tin cần thiết để thực thi kỷ luật thị trường (người gửi tiền) và giảm thiểu rủi ro đạo đức. Thứ ba, tiền gửi của tổ chức có thể có khả năng để thi hành kỷ luật, nhưng chi phí của việc làm đó có thể cao vì sự ràng buộc trong mối quan hệ với các tổ chức được bảo hiểm⁹. Kỷ luật người gửi tiền hiệu quả thường sẽ được áp đặt bởi một số lượng tương đối nhỏ người gửi tiền quy mô lớn.

Cuộc khủng hoảng tài chính gần đây đã khẳng định những quan điểm này và tập trung sự chú ý vào sự cần thiết xem xét và đánh giá lại các yếu tố quyết định hạn mức. Điều này chỉ ra rằng mục tiêu thúc đẩy sự ổn định tài chính cao hơn mối quan tâm về việc hạn chế rủi ro đạo

⁹ Nếu mối quan hệ giữa một tổ chức với ngân hàng phức tạp, bao gồm nhiều các khoản tiền gửi, khoản cho vay, và các dịch vụ khác, có thể được coi là một chi phí giao dịch lớn trong việc thay đổi ngân hàng.

đức. Nhiều quốc gia đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cho phép các thị trường hoạt động tự do và đưa ra quan ngại về những tác động rủi ro đạo đức của bảo hiểm tiền gửi, giới thiệu các biện pháp tăng cường bảo vệ người gửi tiền, bao gồm mở rộng hạn mức - cả mức độ và phạm vi và sửa đổi hệ thống bảo hiểm tiền gửi (xem Phụ lục A).¹⁰ Trong nhiều trường hợp, hạn mức được tăng đột ngột bảo vệ toàn bộ hầu hết người gửi tiền, không phụ thuộc vào tỷ lệ tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ. Nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã kết luận rằng hạn mức quá thấp, thậm chí trong những giai đoạn ổn định, đặt hầu hết người gửi tiền cá nhân vào trường hợp rủi ro cao và đã chọn cách duy trì hạn mức bảo hiểm cao hơn một cách lâu dài.¹¹

Cuộc khủng hoảng cũng tập trung chú ý vào khả năng của người gửi tiền phát huy kỷ luật thị trường. Đây là một trong những nguyên tắc quan trọng của thiết kế hệ thống bảo hiểm tiền gửi nhằm hạn chế rủi ro đạo đức. Hệ thống bảo hiểm tiền gửi đã được thiết lập nhằm quy định hạn mức bảo hiểm cho phần lớn người gửi tiền (dù không bảo hiểm toàn bộ), trong khi có một phần tiền gửi khá lớn không được bảo hiểm. Người gửi tiền không được bảo hiểm được hy vọng sẽ giám sát hồ sơ rủi ro ngân hàng và thực thi kỷ luật thị trường bằng cách chuyển sang các ngân hàng ít rủi ro hơn như một sự bảo đảm. Tuy nhiên, khả năng hầu hết người gửi tiền và hầu như tất cả chủ nợ trừ những chủ nợ lớn nhất làm việc này hiện được nhận thấy là có hạn và không hiệu quả trong khủng hoảng.

Hạn mức bảo hiểm tiền gửi được điều chỉnh tăng lên dễ dàng hơn giảm xuống. Trong giai đoạn khủng hoảng, các nhà hoạch định chính sách thường tăng hạn mức bảo hiểm hoặc áp dụng bảo hiểm toàn bộ. Tuy nhiên, ngay cả khi hạn mức được hạ xuống sau khủng hoảng, vẫn có thể khó khăn trong việc thuyết phục người gửi tiền và chủ nợ về vấn đề bảo hiểm cao hơn sẽ không được tái áp dụng trong trường hợp khủng hoảng trở lại, do đó ảnh hưởng đến việc áp đặt kỷ luật thị trường. Về cơ bản, tất cả trừ những người gửi tiền lớn và chủ nợ lớn nhất phải đối mặt với những hạn chế đáng kể trong thực thi kỷ luật thị trường vì những lý do sau đây:

- Thông tin về tình hình tài chính của các ngân hàng không có sẵn một cách kịp thời (tốt nhất là theo quý) và không dễ dàng tiếp cận.
- Quy tắc kế toán yêu cầu kiến thức chuyên môn có thể khiến cho việc giải thích tài liệu công bố khó khăn.
- Ngay cả khi rủi ro được xác định, chi phí giao dịch của việc thay đổi các ngân hàng là cao và người gửi tiền không chuyển tiền gửi thường xuyên.

¹⁰ Trong cuộc khủng hoảng tài chính, 48 khu vực pháp lý thông qua một số hình thức tăng cường bảo vệ người gửi tiền. Trong số này 19 khu vực pháp lý đảm bảo bảo hiểm toàn bộ người gửi tiền, 22 tăng cố định phạm vi bảo hiểm gửi tiền và 7 khu vực tạm thời tăng phạm vi bảo hiểm. Xem, "Sự sắp xếp Bảo hiểm tiền gửi dần trải Tạm thời," Báo cáo với Ủy ban ổn định tài chính của Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế và Quỹ Tiền tệ Quốc tế, tháng 6 năm 2010

http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_1006.pdf

¹¹ Như đã nêu trong FSB DI Peer Review, nhiều khu vực pháp lý bảo vệ có hiệu quả tất cả các thị trường tài sản khi xảy ra tai họa, thực hiện hình thức bảo hiểm toàn bộ ngân cho hệ thống tài chính. Điều này như quyền hạn được thực hiện bảo hiểm toàn bộ, một số tổ chức đã lựa chọn duy trì giới hạn phạm vi bảo hiểm cao hơn trong giai đoạn bình ổn hoặc không khủng hoảng. Bàn về mức độ và phạm vi bảo hiểm tiền gửi từ FSB DI Peer Xem trong Phụ lục B

- Người gửi tiền cá nhân dễ dàng bảo vệ tiền gửi của họ bằng cách giữ số dư dưới mức bảo hiểm, ví dụ, thông qua việc sử dụng nhiều tài khoản (cá nhân và liên kết) tại một ngân hàng có thẩm quyền được cho phép trong quy định hạn mức của luật.

Trong khi người gửi tiền và chủ nợ lớn nhất có quan hệ chặt chẽ với quản lý ngân hàng, phần lớn người gửi tiền tổ chức và chủ nợ ngân hàng phải đối mặt với chi phí giao dịch cao khi thay đổi ngân hàng. Chủ nợ có quan hệ kinh doanh phức tạp hơn và sâu sắc hơn với các ngân hàng so với hầu hết người gửi tiền cá nhân. Thay đổi ngân hàng trong khi rủi ro gia tăng có thể khiến chi phí hoạt động tăng cao, làm hạn chế sự linh hoạt của chủ nợ. Chỉ sau khi rủi ro lan rộng và dễ dàng được nhận biết, chủ nợ mới bắt đầu rời bỏ ngân hàng (các "cuộc bỏ chạy lạng lẽ" của các cuộc khủng hoảng mang tính hệ thống). Tuy nhiên, tại thời điểm đó, kỷ luật thị trường đã thất bại.

Một mối quan tâm khác được nhấn mạnh trong cuộc khủng hoảng là kỷ luật do người gửi tiền áp đặt có thể là một nguồn bất ổn. Về lý thuyết, các ngân hàng sẽ không chấp nhận mức rủi ro gây nguy hiểm đối với lượng người gửi tiền tại ngân hàng đó. Tuy nhiên, người gửi tiền sẽ có xu hướng phản ứng tập thể với tin đồn thị trường hơn là thực hiện kỷ luật đối với tổ chức nhất định bởi vì việc ngân hàng chấp nhận rủi ro khó được nhận định và đánh giá. Kỷ luật do người gửi tiền tạo nên có thể gây mất ổn định đối với một tổ chức, làm xấu đi thay vì cải thiện tình hình tài chính của tổ chức¹². Đồng bảo hiểm và các cơ chế tính toán bù trừ càng làm trầm trọng thêm vấn đề, đồng bảo hiểm và tính toán bù trừ đã được sử dụng để làm cho tất cả người gửi tiền đối mặt với rủi ro ở mức độ nhất định và đã làm tăng động cơ của người gửi tiền thực thi kỷ luật thị trường đối với các ngân hàng. Sự sụp đổ của các công ty cho vay thế chấp tại Anh, ngân hàng Northern Rock trong năm 2007 và những diễn biến sau đó chứng minh một sự thay đổi đột ngột về nhận thức rủi ro có thể gây ra sự sụp đổ của cả một tổ chức đơn lẻ và đặt ra mối đe dọa đối với hệ thống tài chính.¹³

Một quan điểm khác về vai trò của bảo hiểm tiền gửi đã xuất hiện từ cuộc khủng hoảng toàn cầu. Bảo vệ hiểm toàn bộ cho đại đa số người gửi tiền (ví dụ: 90- 95% hoặc nhiều hơn số lượng người gửi tiền, tùy thuộc vào hoàn cảnh) hiện nay được coi là sống còn đối với tổng thể của sự ổn định tài chính¹⁴. Không giống các hướng dẫn trước đây, cân bằng giữa số người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ và giá trị của các khoản tiền gửi được bảo hiểm toàn bộ đã chuyển dịch rõ ràng.

¹² Cuộc khủng hoảng năm 2008-09 đã chứng minh, đồng bảo hiểm và tính toán bù trừ được chứng minh là có hại đối với sự ổn định tài chính. Đồng bảo hiểm là việc thực hành bảo hiểm ít hơn 100% đối với tất cả các khoản tiền gửi không phụ thuộc vào số tiền gửi. Khi xảy ra đổ vỡ, tất cả người gửi tiền với bất kỳ lượng tiền gửi, đều chịu thiệt hại. Tuy nhiên, đồng bảo hiểm khuyến khích người gửi tiền được ưu tiên rút tiền tại các ngân hàng đổ vỡ. Bù trừ xảy ra khi tổ chức thanh lý trừ đi hoặc tính ròng các khoản vay vào các khoản tiền gửi của người gửi tiền. Bù trừ làm giảm các mức độ bảo vệ người gửi tiền và khiến việc chi trả chậm hơn, vì tổ chức tiếp nhận cần xác định cho mỗi người gửi tiền khoản tiền ròng của họ. (Mặc dù xu hướng quốc tế là từ bỏ việc tính bù trừ, rất nhiều khu vực vẫn sẽ trừ nợ quá hạn trước đây vào tiền gửi. Trong khi thanh lý, các khoản nợ trong hạn có thể được bán với giá trị gần với giá trị sổ sách, trong khi các khoản nợ quá hạn chỉ có thể bán với mức giảm giá nhiều hoặc xóa nợ. Do đó, có thể có ý nghĩa khi trừ nợ quá hạn vào tiền gửi).

¹³ Trong trường hợp của Northern Rock, người gửi tiền là đối tượng đồng bảo hiểm vì vậy tất cả người gửi tiền phải chịu một số thiệt hại trong trường hợp đổ vỡ. Hơn nữa, chương trình bảo hiểm tiền gửi Anh cũng bao gồm tính toán bù trừ, do đó như các khoản tiền gửi của một khách hàng trước hết được sử dụng để thanh toán tất cả các khoản nợ với ngân hàng. Kết quả là, người gửi tiền không biết về mức độ thực sự của việc bảo hiểm. Trong vấn đề này, việc không xác định được khả năng của ngân hàng dẫn đến việc rút tiền hàng loạt của người gửi tiền.

¹⁴ Tỷ lệ người gửi tiền cần được bảo hiểm toàn bộ phụ thuộc vào đặc điểm đất nước. Nếu tiền gửi tính theo giá trị là phân phối chuẩn, cơ quan chức năng có thể bảo vệ đầy đủ tất cả người gửi tiền. Nếu sự phân phối của tiền gửi theo giá trị lệch rất nhiều, người gửi tiền có lượng tiền gửi nhiều nhất có thể không được bảo hiểm toàn bộ.

Sự nhấn mạnh vào việc bảo vệ đa số của người gửi tiền không làm giảm tầm quan trọng việc hạn chế rủi ro đạo đức. Một số rủi ro đạo đức có thể được giảm bớt bằng cách tạo động lực phù hợp cho người gửi tiền quy mô lớn giám sát rủi ro. Những người gửi tiền quy mô lớn - những người mà số tài khoản chiếm một tỷ lệ tương đối nhỏ trong tổng giá trị tiền gửi tại nhiều nước - dự kiến sẽ giám sát tài sản của mình và có đầy đủ thông tin liên hệ với các nhà quản lý ngân hàng. Nguồn nguyên tắc kỷ luật thị trường đối với giảm thiểu rủi ro đạo đức thuộc về một lượng nhỏ người gửi tiền có quy mô lớn và các chủ nợ không được bảo đảm (đặc biệt những chủ nợ cấp cao và thứ cấp), các nhà quản lý, các thành viên hội đồng quản trị và các cổ đông. Nguy cơ mất mát cho các nhóm này tạo ra động lực để hạn chế các hành động rủi ro từ các ngân hàng. Để kỷ luật thị trường có hiệu quả, các cổ đông và chủ nợ không được bảo đảm phải chịu thiệt hại khi một ngân hàng đổ vỡ. Hơn nữa, các thành viên hội đồng quản trị và nhà quản lý phải mất chức và, một cách lý tưởng, phải chịu hình thức phạt tiền. Một khi như vậy, họ sẽ có động lực để hạn chế hồ sơ rủi ro của tổ chức.¹⁵

IV. Xác định hạn mức phù hợp

Các quy định về hạn mức phải nhất quán với các mục tiêu chính sách công của tổ chức BHTG. Đặc biệt, các quy định này phải gắn liền với các đặc điểm thiết kế có liên quan của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, bao gồm quá trình trả tiền bảo hiểm và các nỗ lực về nhận thức công chúng. Sau đây là hướng dẫn về việc cân bằng giữa việc bảo vệ người gửi tiền, góp phần ổn định tài chính và kỷ luật thị trường.

Như đã nêu trong Bộ các nguyên tắc cơ bản, hạn mức trả tiền bảo hiểm cần được giới hạn, đáng tin cậy và dễ xác định. Việc xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm phù hợp trong bối cảnh các mục tiêu chính sách của hệ thống BHTG liên quan tới việc đưa ra giới hạn về mức bảo hiểm và loại công cụ đủ điều kiện để tính toán hạn mức. Các nhà lập chính sách cũng lập các quy định cho việc áp dụng hạn mức. Ví dụ, một quy tắc thường được sử dụng đó là việc áp dụng bảo hiểm tiền gửi trên cơ sở mỗi người gửi tiền của mỗi tổ chức.¹⁶

A. Thiết lập hạn mức trả tiền bảo hiểm

Như đã lưu ý, các quốc gia có xu hướng ngày càng tăng trong việc thiết lập hạn mức trả tiền bảo hiểm (bao gồm cả giới hạn và phạm vi bảo hiểm) bảo vệ toàn bộ phần lớn người gửi tiền cá nhân (theo số lượng người gửi tiền, nhưng không nhất thiết phải theo tổng giá trị các khoản tiền gửi). Nghĩa là, tập trung vào việc bảo hiểm những người gửi tiền cá nhân trước rủi ro.

Việc xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm phù hợp có thể liên quan đến một quá trình cân bằng các mục tiêu chính sách của các nước với chi phí của chính sách đó. Trong khi tất cả tổ chức nhận tiền gửi đáp ứng tiêu chí thành viên và hướng theo các quy định nghiêm ngặt và giám sát thận trọng - phải là thành viên của hệ thống bảo hiểm tiền gửi, các tổ chức này sẽ không đối mặt với rủi ro đổ vỡ giống nhau¹⁷. Ví dụ, ở một số quốc gia, các ngân hàng mang tầm quan trọng đối với hệ thống hoặc các ngân hàng sở hữu nhà nước đều gặp rủi ro hạn chế về

¹⁵ Xem bản Hướng dẫn nâng cao về các hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả: Giảm thiểu rủi ro đạo đức, Dự thảo IADI tháng 11/2012.

¹⁶ Các thành viên FSB thường sử dụng quy định này. Xem Phụ lục B, Bảng 1.

¹⁷ Hướng dẫn về các thông lệ bảo hiểm tiền gửi hiệu quả yêu cầu thành lập mối quan hệ thành viên bắt buộc trong hệ thống BHTG đối với tất cả các tổ chức tham gia BHTG có xu hướng theo quy định thận trọng và giám sát. Xem Nguyên tắc số 8, Bộ nguyên tắc cơ bản.

can thiệp và thanh lý¹⁸. Mặt khác, các ngân hàng vừa và nhỏ có nhiều khả năng phải tuân theo chế độ xử lý của quốc gia.

Trong việc xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm, các quốc gia cần tập trung vào tiền gửi (những người gửi tiền) tại các ngân hàng đó. Hạn mức trả tiền bảo hiểm phải được thiết lập theo như các mục tiêu chính sách, phần lớn người gửi tiền tại các ngân hàng có nguy cơ bị xử lý được bảo vệ toàn bộ, trong khi phần lớn giá trị các khoản tiền gửi có xu hướng tuân theo kỷ luật thị trường¹⁹. Các quốc gia với mục tiêu bảo vệ những người gửi tiền nhỏ lẻ sẽ xác định tổng lượng tiền gửi cá nhân có nguy cơ rủi ro. Các quốc gia không bảo đảm các khoản tiền gửi doanh nghiệp, song vẫn muốn theo đuổi một khuôn khổ ổn định rộng hơn có thể xem xét việc mở rộng hạn mức trả tiền bảo hiểm đối với những tổ chức như các doanh nghiệp nhỏ

20

Mục đích của việc thiết lập hạn mức trả tiền bảo hiểm là để phần lớn người gửi tiền (người gửi tiền cá nhân và tổ chức cỡ nhỏ) được bảo hiểm đầy đủ và không có động lực rút khỏi tổ chức nhận tiền gửi, trong khi vẫn duy trì một tỷ lệ giá trị các khoản tiền gửi chưa được bảo hiểm, do đó số ít những người gửi tiền quy mô lớn sẽ có động lực quản lý các hoạt động mang tính rủi ro của tổ chức nhận tiền gửi. Nghĩa là, thiết lập các quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm để ổn định tài chính sẽ không gặp những nguy cơ về người gửi tiền rút khỏi tổ chức và kỷ luật người gửi tiền sẽ được thi hành bởi những người gửi tiền có khả năng giám sát và kỷ luật các tổ chức nhận tiền gửi.

Tính phù hợp của hạn mức trả tiền bảo hiểm phải được xem xét trong bối cảnh tổng thể khuôn khổ mạng an toàn. Trong trường hợp các quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm trở nên lệch lạc, làm biến dạng các ưu đãi mong muốn cho người gửi tiền nhỏ lẻ và người gửi tiền quy mô lớn, cần tăng khi đó giám sát nghiêm ngặt và một khuôn khổ xử lý ngân hàng hiệu quả có thể giúp giảm nhẹ một số hậu quả từ những tác động tiêu cực.

Xem xét sự phân bố của các khoản tiền gửi theo quy mô tiền gửi có thể hữu ích cho việc đánh giá các lựa chọn về hạn mức bảo hiểm. Với việc sử dụng dữ liệu về số lượng người gửi tiền được bảo hiểm và tỷ lệ tổng giá trị tiền gửi được bảo hiểm theo các hạn mức bảo hiểm khác nhau (tất cả các khoản tiền gửi/ người gửi tiền đủ điều kiện được bảo hiểm), các nhà hoạch định chính sách có thể thiết lập hạn mức bảo hiểm để bảo vệ nhiều người gửi tiền nhất có thể, trong khi để lại một lượng lớn giá trị tiền gửi không được bảo hiểm²¹.

Ngoài việc thiết lập hạn mức bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm cũng nên được xem xét. Để đảm bảo đủ điều kiện cho hạn mức, quyền sở hữu, bản chất và mục đích của sản phẩm tiền gửi

¹⁸ Theo xu hướng gia tăng, các quốc gia đang tìm cách phát triển các công cụ xử lý đối với các tổ chức mang tầm quan trọng trong hệ thống. Ví dụ như ở Mỹ, Luật cải cách tài chính phố Wall và bảo vệ người tiêu dùng (the Dodd-Frank Wall Street Reform and Consumer Protection Act (Public Law 111-203—July 21, 2010) cho phép FDIC xử lý các tổ chức này.

¹⁹ Biện pháp liên quan đến các khoản tiền gửi có thể là khối tiền gửi của ngân hàng trong nước (tất cả tiền gửi được xây dựng từ các tổ chức liên quan trong một quốc gia) hoặc các khoản tiền gửi hợp pháp (các khoản tiền gửi đạt đủ các yêu cầu hạn mức theo một cơ chế bảo hiểm tiền gửi), phụ thuộc vào đặc tính của từng quốc gia. Ví dụ, tại Mỹ, tổng các khoản tiền gửi trong nước và các khoản tiền gửi hợp pháp là tương đương. Điều này không xảy ra ở một số quốc gia khác. Ví dụ, theo các quy định ở EU, sẽ có một số nhóm tiền gửi không hợp pháp để được bảo hiểm, như là các khoản tiền gửi liên ngân hàng.

²⁰ Trong những trường hợp này, một hệ thống sẽ được thiết kế theo đó các quỹ cá nhân của chủ doanh nghiệp nhỏ sẽ không gộp lẫn với các quỹ liên quan tới kinh doanh.

²¹ Các phương pháp khác đối với việc xác định hạn mức bảo hiểm từng được sử dụng, bao gồm thiết lập hạn mức theo tỷ lệ phần trăm về GDP hoặc dựa trên xu hướng lịch sử (ví dụ, bảo đảm 80% người gửi tiền, song chỉ đảm bảo 20-30% tổng giá trị tiền gửi). Những phương pháp này có thể hoặc không xem xét các điều kiện địa phương, điểm mạnh và yếu của toàn bộ mạng an toàn.

(hoặc mới hoặc đang thực hiện) phải được xác định dễ dàng. Nếu thông tin này không thể dễ dàng thiết lập, việc mở rộng phạm vi có thể không phù hợp với mục tiêu chính sách của hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Những nỗ lực để giảm thiểu rủi ro đạo đức bằng cách giới hạn phạm vi bảo hiểm cần phải cân bằng với những khả năng gia tăng sự phức tạp và khả năng trì hoãn thực hiện chi trả nhanh chóng.

Đặc biệt, một số loại tiền gửi cụ thể có thể được loại trừ hoặc coi như không đủ điều kiện để được bảo hiểm. Những loại này bao gồm:

- Các khoản tiền gửi liên ngân hàng, vì các ngân hàng đặc thù khác được xem là nằm trong số những chủ nợ có khả năng nhất trong việc đưa ra kỷ luật thị trường;
- Các khoản tiền gửi của các cơ quan chính phủ và các cơ quan khu vực, tỉnh, thành phố và các cơ quan công quyền khác;
- Các khoản tiền gửi của các cá nhân phải chịu trách nhiệm về sự suy giảm của một tổ chức, bao gồm cả tiền gửi thuộc các giám đốc, nhà quản lý, cổ đông lớn và các kiểm toán viên của ngân hàng;
- Tiền gửi mang lãi quá cao²², và
- Tiền gửi không ghi tên (bearer deposit)²³

Nếu các khoản tiền gửi ngoại tệ được sử dụng rộng rãi trong một quốc gia, cách thức hiệu quả đó là đảm bảo các khoản tiền này. Nếu cần thiết để tránh rủi ro ngoại hối trong trường hợp ngân hàng đổ vỡ, nước chủ nhà chỉ nên bồi thường cho chủ sở hữu của các khoản tiền gửi ngoại tệ bằng đồng nội tệ. Cần có trường hợp ngoại lệ đối với các hệ thống nơi mà một loại ngoại tệ đóng vai trò lớn hơn so với đồng nội tệ và việc bồi thường người gửi tiền bằng đồng tiền địa phương có thể làm suy giảm lòng tin của họ. Trả tiền bảo hiểm bằng đồng tiền địa phương có thể mang hàm ý rằng ngân hàng trung ương thiếu ngoại tệ dự trữ, điều này có thể tạo ra sự rút tiền hàng loạt trên hệ thống ngân hàng²⁴.

Các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến việc lựa chọn hạn mức bảo hiểm, chẳng hạn như nguồn quỹ sẵn có, giai đoạn phát triển kinh tế, mối liên kết với các nước láng giềng, hoặc sự tồn tại của nhiều hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong một quốc gia²⁵. Nếu dòng vốn lưu thông của các quỹ giữa các quốc gia láng giềng lớn, hạn mức và phạm vi bảo hiểm của các quốc gia này cần phải tính đến khi xác định các quy định về hạn mức BHTG. Ví dụ, sự khác biệt giữa hạn mức BHTG các nước láng giềng có thể dẫn đến sự tháo chạy của người gửi tiền. Tương tự, tại các quốc gia có nhiều hệ thống BHTG, sự khác biệt giữa hạn mức và phạm vi bảo hiểm

²² Các nhà hoạch định chính sách có thể chọn để loại trừ các khoản tiền gửi để ngăn chặn các tổ chức yếu mất đi các khoản tiền gửi từ các tổ chức mạnh hơn được quản lý một cách thận trọng. Tuy nhiên, khó để xác định mức lãi suất nào sẽ loại một khoản tiền gửi khỏi phạm vi bảo hiểm. Thay vì đó, các tổ chức yếu kém có thể bị cấm việc đưa ra lãi suất tiền gửi cao thông qua quy định và công tác giám sát.

²³ Các quốc gia đưa ra hạn mức bảo hiểm cho mỗi người gửi tiền thường loại trừ các khoản tiền gửi không ghi tên, đó là tiền gửi được không được đăng ký theo một chủ sở hữu cụ thể, vì không có cách tính toán giới hạn bảo hiểm hoặc chứng minh đủ điều kiện khi không rõ người gửi tiền.

²⁴ Như cuộc khủng hoảng tài chính của Argentina 2001 - 2002 đã chứng minh, sẽ rất khó khăn cho các tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện tất cả các chức năng trong một nền kinh tế bị đô la hóa cao trong giai đoạn khủng hoảng. Cụ thể, đô la hóa ngăn chặn các ngân hàng trung ương sản xuất lượng đô la cần thiết để duy trì thanh khoản trong hệ thống. Trong hoàn cảnh này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có thể thiếu dự trữ đồng đô la để trả các khoản tiền gửi được bảo hiểm bằng đô la.

²⁵ IADI đã xác định được các vấn đề khác phải được xem xét trong việc thiết lập các quy tắc bảo hiểm. Xem, Sổ tay IADI tr. 30.

giữa các tổ chức đang hoạt động có thể làm suy giảm tính hiệu quả của các hệ thống²⁶. Việc lựa chọn các quy định hạn mức bảo hiểm có thể bị ảnh hưởng từ lịch sử khủng hoảng ngân hàng của các quốc gia. Ví dụ, sau khủng hoảng, một quốc gia có thể lựa chọn duy trì hạn mức bảo hiểm tương đối cao cho đến khi niềm tin của người gửi tiền cá nhân hồi phục hoàn toàn. Tương tự, hạn mức cao có thể được duy trì khi các nước tiến hành phục hồi và củng cố khu vực tài chính, ví dụ thực hiện các quy định thận trọng mới.

Khi số tiền tối đa của các khoản tiền gửi có nguy cơ rủi ro được xác định, các cơ quan có thẩm quyền phải xác định xem có một cơ chế cấp vốn đáng tin cậy để chi trả không. Các cơ quan có thẩm quyền cần ước tính một số vụ đổ vỡ có thể xảy ra. Nhiều biện pháp kỹ thuật có thể được áp dụng, từ quy tắc ngón tay cái (bao gồm ví dụ, năm hoặc sáu ngân hàng nhỏ hoặc vài ngân hàng cỡ trung bình) hay các biện pháp kỹ thuật tinh vi hơn dựa trên giá trị của các khoản có nguy cơ rủi ro và xác suất xảy ra đổ vỡ²⁷.

Với ước tính các tỷ lệ đổ vỡ cho trước, các cơ quan có thẩm quyền sẽ phát triển cơ chế cơ chế cấp vốn để đảm bảo đủ nguồn chi trả sẵn có²⁸. Hầu hết các cấu trúc xây dựng quỹ bao gồm sự kết hợp giữa cơ chế cấp vốn trước, cấp vốn sau sau và cấp vốn dự phòng khẩn cấp. Theo cơ chế cấp vốn trước, quy mô phù hợp của quỹ và các mức phí cần thiết để xây dựng quỹ theo thời gian phải được xác định. Theo cơ chế cấp vốn sau, việc xây dựng quỹ đảm bảo cần có tính thanh khoản. Tất cả các cơ chế cấp vốn cần phải tính đến các kế hoạch cấp vốn dự phòng khẩn cấp.

Trong trường hợp các thông tin cần thiết có thể tiếp cận được, quy trình lặp lại có thể được sử dụng để xác định hạn mức bảo hiểm. Trước tiên, các cơ quan chức năng phải xác định hạn mức bảo hiểm bảo vệ được phần lớn người gửi tiền. Hạn mức bảo hiểm mục tiêu có thể dao động khoảng 90-95% tổng số người gửi tiền²⁹. Sau đó, các cơ quan có thẩm quyền ước tính tổng giá trị các khoản tiền gửi có nguy cơ rủi ro và khả năng đổ vỡ. Với thông tin đó, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra các nguồn cấp vốn sẵn có theo hình thức cấp vốn trước hoặc cấp vốn sau. Theo cơ chế cấp vốn trước, cần xác định được quy mô phù hợp của quỹ và các mức phí bảo hiểm cần thiết để xây dựng quỹ theo thời gian. Cơ chế cấp vốn sau cần phải có một nguồn quỹ sẵn có để đảm bảo tính thanh khoản và các mục đích vốn lưu động. Các kế hoạch cấp vốn dự phòng khẩn cấp phải được xác định cho tất cả các cơ chế.

Nếu nguồn quỹ không có sẵn hoặc quá lớn đối với một đất nước, hạn mức bảo hiểm cần phải giảm xuống hoặc thu hẹp lại. Giảm hạn mức bảo hiểm hoặc phạm vi bảo hiểm có thể làm giảm các yêu cầu góp vốn. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền cần nhớ rằng, hạn mức bảo hiểm thấp hơn cũng có thể dẫn đến nguy cơ cao hơn về việc rút tiền hàng loạt của người gửi tiền khi đối mặt với khủng hoảng ngân hàng.

²⁶ Ủy ban ổn định tài chính (FSB) đã yêu cầu hướng dẫn bổ sung trên nhiều hệ thống bảo hiểm tiền gửi. Xem, Đánh giá đồng đẳng BHTG, tr.7.

²⁷ Những vấn đề này được giải quyết một cách toàn diện hơn trong hướng dẫn chuẩn bị xây dựng quỹ.

²⁸ Xây dựng quỹ đáng tin cậy là một yếu tố thiết yếu của một hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả (xem Nguyên tắc 11).

²⁹ Xem chú thích số 2 ở trên.

Cuối cùng, khi hạn mức và phạm vi bảo hiểm được xác định, cần giám sát chặt chẽ số lượng người gửi tiền được bảo hiểm toàn bộ (tức là, những người gửi tiền được bảo hiểm), cũng như tổng giá trị các khoản tiền gửi được bảo hiểm dựa trên cơ sở liên tục.

B. Điều chỉnh hạn mức và phạm vi bảo hiểm

Hạn mức bảo hiểm thực tế hiệu quả có thể giảm theo thời gian và phải được xem xét thường xuyên. Theo thời gian, lạm phát có thể làm giảm giá trị thực sự của bảo hiểm tiền gửi, cấu phần và quy mô của các khoản tiền gửi có thể thay đổi, và các công cụ tiền gửi mới có thể được cung cấp. Do đó, điều chỉnh phạm vi và hạn mức bảo hiểm định kỳ là cần thiết. Những điều chỉnh này có thể tiến hành mà không dự tính trước hoặc có thể được thực hiện tự động, chẳng hạn như thông qua các chỉ số. Cần lưu ý có thể đưa ra nhiều phương án xem xét. Khi những điều chỉnh được thực hiện không dự tính trước, các nhà hoạch định chính sách sẽ nắm quyền kiểm soát. Điều này có thể chính trị hóa quá trình thay đổi. Các điều chỉnh theo chỉ số là tự động và tránh chính trị hóa nhưng, nếu điều chỉnh xảy ra quá thường xuyên, nó có thể dẫn đến sự bất ổn định về giới hạn bảo hiểm. Để thực hiện những điều chỉnh này có thể tốn kém, do công chúng cần được thông báo về các hạn mức bảo hiểm mới. Thậm chí trong một hệ thống các chỉ số, hạn mức nên được xem xét định kỳ để tính đến những thay đổi về quy mô của thị trường tài chính và những thay đổi về giá trị thực của bảo hiểm tiền gửi.

Các quốc gia có lịch sử lạm phát cao có thể xác định hạn mức bảo hiểm theo các đơn vị chỉ số nhằm duy trì giá trị thực của hạn mức bảo hiểm tiền gửi³⁰. Điều này giúp điều chỉnh tự động hạn mức cho các khoản tiền gửi được bảo hiểm mà không cần phải thay đổi các thông tin đã công bố cho công chúng - hạn mức bảo hiểm tính theo các đơn vị chỉ số là một số không đổi.

V. Tác động của hạn mức đến vai trò của Bảo hiểm tiền gửi

Việc chuyển sang bảo hiểm cho đại đa số người gửi tiền giúp tăng cường vai trò của hệ thống bảo hiểm tiền gửi trong mạng an toàn tài chính. Ở nhiều nước, hệ thống bảo hiểm tiền gửi được thiết lập để bảo vệ những người gửi tiền dễ bị tổn thương nhất và nhiệm vụ chủ yếu là chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm sau khi ngân hàng bị đổ vỡ (các hệ thống chi trả). Kết quả là, các cơ quan bảo hiểm tiền gửi thường bị gạt ra khỏi các cuộc thảo luận về duy trì sự ổn định tài chính hoặc cân nhắc các phương án lựa chọn xử lý đổ vỡ.³¹ Việc chuyển sang bảo hiểm tiền gửi cho đại đa số người gửi tiền đã đưa cơ quan bảo hiểm tiền gửi vào trung tâm đánh giá của mạng an toàn tài chính. Bảo hiểm tiền gửi ngày càng được xem là có vai trò quan trọng trong: 1) đảm bảo niềm tin của người gửi tiền nói chung, 2) bảo vệ các nguồn vốn, và 3) đảm bảo việc xử lý ngân hàng với chi phí thấp nhất. Trong khi nhiều tổ chức bảo hiểm tiền gửi luôn thực hiện tốt vai trò này, có quan điểm mở rộng về hạn mức hướng tới việc làm tăng tính đồng thuận giữa các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính với vai trò trung tâm của bảo hiểm tiền gửi.

³⁰ Một số quốc gia sử dụng các đơn vị chỉ số nhằm bảo vệ cho các bên tham gia hợp đồng khỏi các tác động của lạm phát

³¹ Mặc dù số lượng các tổ chức BHTG đang biến đổi theo hướng thành tổ chức “tối thiểu hóa tổn thất” ngày càng tăng, trong nhiều mạng an toàn vẫn có xu hướng chỉ cho tổ chức BHTG đóng vai trò hỗ trợ.

Việc chọn hạn mức bảo hiểm rộng hơn cho người gửi tiền làm thay đổi đặc điểm thiết kế của mạng an toàn tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro đạo đức³². Mỗi lo về rủi ro đạo đức vẫn còn và thậm chí còn tăng lên trong hệ thống chỉ tập trung vào việc ổn định tài chính. Việc giảm thiểu rủi ro đạo đức cần được duy trì như một yếu tố thiết yếu của mạng an toàn tài chính. Tuy nhiên, các công cụ để giảm thiểu rủi ro đạo đức đã thay đổi³³. Người gửi tiền ít được quan tâm hơn với tư cách là một nhân tố của kỷ luật thị trường. Chỉ có một số ít những người gửi tiền quy mô lớn – ví dụ 5-10% tổng số người gửi tiền nhưng nắm giữ 30-50% tổng số dư tiền gửi - mới có khả năng gây ảnh hưởng đến các chủ ngân hàng. Người gửi tiền quy mô lớn, cổ đông và các chủ nợ không được bảo đảm được quan tâm lớn hơn (đặc biệt những nhân vật cấp cao và chủ nợ thứ cấp) với tư cách là những yếu tố của kỷ luật thị trường. Khi nhận thức được các khoản đầu tư sẽ bị mất trong quá trình xử lý ngân hàng, những cổ đông sẽ có động cơ hạn chế những hoạt động ngân hàng nhiều rủi ro. Kỷ luật thị trường từ những cổ đông này, kết hợp với kỷ luật pháp luật, việc quản trị công ty tốt và quản lý rủi ro là vấn đề thiết yếu để giảm thiểu rủi ro đạo đức³⁴.

VI. Phần kết luận

Các hệ thống bảo hiểm tiền gửi điển hình thường phát triển mạnh nhất khi đối mặt với đổ vỡ ngân hàng và các cuộc khủng hoảng tài chính, thường hướng tới các khu vực cần cải cách hoặc tái cơ cấu. Cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu năm 2007 đã chỉ ra những hạn chế về khả năng của phần lớn người gửi tiền cá nhân và tổ chức thực thi kỷ luật thị trường hoặc giảm thiểu rủi ro đạo đức. Với kinh nghiệm này, các hệ thống bảo hiểm tiền gửi có thể lựa chọn tập trung hơn vào duy trì ổn định tài chính.

Việc xem xét vấn đề ổn định tài chính đã hướng các quốc gia tăng hạn mức thực tế lên đáng kể. Các hệ thống BHTG đang điều chỉnh tăng hạn mức bảo hiểm toàn bộ cho đa số người gửi tiền, làm giảm tổng giá trị tiền gửi chịu tác động đối với kỷ luật thị trường khi chỉ những người gửi tiền nắm giữ lượng tiền gửi lớn nhất hài lòng và có thể giám sát và kiểm soát hoạt động có tính rủi ro của ngân hàng. Các yếu tố kỷ luật thị trường tốt nhất bao gồm kỷ luật người gửi tiền từ những người gửi tiền quy mô lớn này và kỷ luật thị trường từ các cổ đông và các chủ nợ không đảm bảo khác³⁵.

Xét đến các yếu tố này, hạn mức – bao gồm mức độ và phạm vi hạn mức được thiết lập. Xét đến mức độ sẵn có của các dữ liệu thiết yếu, có thể sử dụng một quy trình lặp lại dựa trên các mục tiêu được định nghĩa rõ ràng. Trước hết, các cơ quan có thẩm quyền xác định mức độ và phạm vi hạn mức có thể bảo vệ phần lớn người gửi tiền. Tiếp đến là ước lượng giá trị tiền gửi có nguy cơ rủi ro và khả năng đổ vỡ. Cuối cùng, ước lượng nguồn cấp vốn đầy đủ và sẵn có. Điều quan trọng là cơ chế BHTG phải được cấp vốn phù hợp với chức năng nhiệm vụ. Nếu

³² Chủ đề này được đề cập rộng hơn trong tài liệu Enhanced Guidance for Effective Insurance Systems: Mitigating Moral Hazard, IADI dự thảo tháng 11/2012.

³³ Việc liệu chính sách này có mở rộng thành chủ nợ phải chịu tổn thất trong một tổ chức vẫn đang hoạt động (creditor ball-ins hoặc cocos) vẫn là chủ đề được tiếp tục thảo luận

³⁴ Xem, ví dụ, Enhanced Guidance for Effective Insurance Systems: Mitigating Moral Hazard, IADI dự thảo tháng 11/2012.

³⁵ Rủi ro đạo đức được giải quyết tốt nhất thông qua quản trị công ty tốt, kỷ luật thị trường từ những người gửi tiền quy mô lớn, cổ đông và các chủ nợ không được đảm bảo khác, quản lý gồm cả can thiệp sớm và cơ chế xử lý đổ vỡ và một số đặc điểm thiết kế nhất định của hệ thống BHTG.

cấp vốn không đủ hoặc được coi là quá mức đối với một quốc gia, mức độ và phạm vi hạn mức cần được xem xét lại. Hạ thấp hạn mức có thể làm giảm quy mô tối ưu của quỹ bảo hiểm hoặc sự cần thiết áp dụng phí phân biệt cho ngân hàng. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý rằng hạn mức thấp hơn có thể dẫn đến rủi ro cao hơn với việc rút tiền hàng loạt mất kiểm soát khi ngân hàng đối mặt với khủng hoảng ngân hàng.

Phụ lục A

Các nước tăng hạn mức BHTG trong giai đoạn khủng hoảng 2008-09

| Bảo hiểm tiền gửi toàn bộ | Nâng cao hạn mức bảo hiểm tiền gửi | |
|--------------------------------------|------------------------------------|---------------------|
| Áo 5/ | Dài hạn | Tạm thời |
| Đan Mạch | Albania | Áo |
| Đức 1/ | Bi | Brazil |
| Hy Lạp | Bulgaria | Hà Lan |
| Hongkong, SAR | Croatia | New Zealand |
| Hungary 1/ | Đào Síp | Thụy Sĩ |
| Iceland 1/ | Cộng hòa Séc | Ukraine |
| Ai-len 2/ | Estonia | Mỹ 4/ |
| Jordan | Phần Lan | |
| Kuwait | Indonesia | |
| Malaysia | Kazakhstan | |
| Montenegro 5/ | Latvia | |
| Mông cổ | Lithuania | |
| Bồ Đào Nha | Luxembourg | |
| Singapore 1/ | Malta | |
| Slovakia | Philippines | |
| Slovenia | Ba Lan | |
| Thái Lan 3/ | Romania | |
| Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất | Nga | |
| | Serbia | |
| | Tây Ban Nha | |
| | Thụy Điển | |
| | Anh | |
| Tổng cộng: 19 | Tổng cộng: 22 | Tổng cộng: 7 |

Ghi chú: Bảo hiểm tiền gửi toàn bộ bảo hiểm cho tất cả các khoản tiền gửi hoặc phần lớn các khoản tiền gửi trong hệ thống ngân hàng. Trong trường hợp Italia, không tăng hạn mức bảo hiểm thực tế; tuy nhiên, Luật N.190 thông qua vào tháng 12 năm 2008 ra đời sau cuộc khủng hoảng quốc tế, trao cho Bộ trưởng Bộ Kinh tế và Tài chính quyền đưa ra một cơ quan bảo hiểm nhà nước cho người gửi tiền trong thời hạn 36 tháng. Trong trường hợp của Saudi Arabia, bảo hiểm toàn bộ có hiệu lực trước khủng hoảng đã được tái xác nhận vào tháng 10 năm 2008 để đối ứng với cuộc khủng hoảng.

1/ Các cam kết chính trị từ các chính phủ.

2/ Bảo hiểm toàn bộ thực hiện với bảy ngân hàng cụ thể đại diện cho 80% hệ thống ngân hàng.

3/ Bảo hiểm toàn bộ có hiệu lực từ năm 1997, ban đầu đưa ra thời hạn hết hiệu lực vào năm 2008. Trong cuộc khủng hoảng năm 2008, bảo hiểm toàn bộ đã được kéo dài thêm hai năm.

4/ Việc nâng hạn mức bảo hiểm tiền gửi tạm thời được chuyển thành dài hạn vào tháng 7 năm 2010. Một chương trình bổ sung đưa ra các mức bảo hiểm tiền gửi không giới hạn tạm thời đối với các tài khoản giao dịch không có lãi.

5/ Bảo hiểm tiền gửi toàn bộ chỉ áp dụng đối với cá nhân.

Nguồn: Báo cáo trước Hội đồng ổn định tài chính, tháng 6 năm 2010, Lưu ý bởi các cán bộ của Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi quốc tế và Quỹ Tiền tệ Quốc tế trong việc cập nhật các Điều chỉnh hạn mức BHTG tạm thời.

Phụ lục B

Mức độ và phạm vi hạn mức năm 2010

Bảng 1

Mức độ hạn mức bảo hiểm (Đến hết năm 2010)

| Phạm vi quyền hạn | Hạn mức bảo hiểm cấp 1/ | | | Hạn mức dự phòng | | | Tổng tiền gửi cơ sở trong nước (Triệu USD) 4/ | Giá trị tiền gửi (% trên tổng số) | | Số lượng tài khoản được bảo hiểm toàn bộ (% trên tổng số) | |
|-------------------|-------------------------|--------|------------|-------------------------------|---|--|---|-----------------------------------|------------|---|-----------------------|
| | USD | Bù ra | Lập chỉ số | Bồi người gửi tiền và tổ chức | Chi nhánh của các ngân hàng nước ngoài 2/ | Chi nhánh nước ngoài của các ngân hàng trong nước 3/ | | Thích hợp 5/ | Bao phủ 6/ | Người gửi tiền 7/ | Tài khoản tiền gửi 8/ |
| Ác-gen-ti-na | 7.545 | Không | Không | Có | Có | Không | 95 | N/A | 29 | N/A | 94.9 |
| Úc | 1.016.300 | Không | Không | Có | Không | Có | 1.336 | 95 | 61 | N/A | >99 |
| Brazil | 42.000 | Không | Không | Có | Không | Không | 933 | 77 | 22 | 98.9 | N/A |
| Canada | 100.000 | Không | Không | Có 9/ | Không | Không | 1.803 | 64 | 35 | N/A | 97 |
| Pháp | 136.920 | Không | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | 1.742 | 92 | 67 | N/A | N/A |
| Đức | 136.920 | Có | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | 7.195 | ~50 12/ | N/A | N/A | N/A |
| Hongkong | 64.000 | Có | Không | Có | Có | Không | 877 | 98 | 20 | 90 | N/A |
| Ấn Độ | 2.240 | Có | Không | Có | Có | Không | 1.166 | 95 | 33 | N/A | 92.9 |
| Indonesia | 235.294 | Có | Không | Có | Có | Không | 279 | 90 | 61 | N/A | 99.9 |
| Ý | 136.920 | Có | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | 2.182 | 47 13/ | 33 14/ | 55.1 | N/A |
| Nhật Bản | 122.775 | Có 19/ | Không | Có | Không | Không | 11.101 | 90 | 71 | N/A | 98.9 |
| Hàn Quốc | 43.902 | Có | Không | Có | Có | Có | 951 | 68 | 27 | 95.4 | N/A |
| Mê-xi-cô | 146.606 | Không | Có | Có | Không áp dụng | Không áp dụng | 178 | 100 | 58 | 99.9 | N/A |
| Hà Lan | 136.920 | Không | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | 1.202 | 59 | 48 | 80 | N/A |
| Nga | 23.064 | Có | Không | Có | Không áp dụng | Không | 692 | 47 | 32 | 96.5 | 99.7 |
| Singapore | 38.835 | Không | Không | Có | Có | Không | 456 | 70 | 19 | 91 | N/A |
| Tây Ban Nha 15/ | 136.920 | Không | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | 1.963 | 65 | 47 | 64.1 | N/A |
| Thụy Sĩ | 96.830 | Không | Không | Có | Có | Không | 1.481 18/ | 73 | 24 | N/A | N/A |
| Thổ Nhĩ Kỳ | 32.341 | Không | Không | Có | Có | Không | 399 | 59 | 25 | 86.5 | 88.7 |

| | | | | | | | | | | | |
|-----|---------|--------|-------|----|--------|--------|-------|-----|-----|-----|------|
| Anh | 133.068 | Không | Không | Có | Có 10/ | Có 11/ | N/A | N/A | N/A | N/A | 98 |
| Mỹ | 250.000 | Có 16/ | Có | Có | Không | Có 17/ | 7.888 | 100 | 79 | N/A | 99.7 |

1/ Sử dụng tỷ giá vào cuối năm 2010. Đồng bảo hiểm là trường hợp tất cả người gửi tiền phải chịu lỗ một tỷ lệ nào đó (chẳng hạn như 5-10%) được áp dụng lần đầu để chi trả bồi thường của ngân hàng của người gửi tiền trước khi chi trả. Việc lập chi số là để chỉ mức độ lạm phát.

2/ DIS trong nước bảo hiểm cho tiền gửi của các chi nhánh các ngân hàng nước người (tiền gửi của các chi nhánh liên doanh với địa phương của các ngân hàng nước ngoài được DIS của nước đó bảo hiểm ở tất cả các nước thành viên của FSB).

3/ DIS trong nước bảo hiểm cho các khoản tiền gửi của các chi nhánh nước ngoài của các ngân hàng liên doanh trong nước.

4/ Tổng số tiền gửi của khu vực ngân hàng trong nước của các tổ chức có liên quan (kể cả thuộc sở hữu trong nước hay nước ngoài) trong một quốc gia.

5/ Tỷ lệ tiền gửi của khu vực ngân hàng trong nước đủ điều kiện trong tổng số dư tiền gửi của khu vực ngân hàng trong nước. Tiền gửi đủ điều kiện là tiền gửi thuộc phạm vi bảo hiểm của DIS trong nước, nghĩa là những khoản này đáp ứng các yêu cầu về hạn mức theo DIS, chủ yếu dựa vào các hình thức người gửi tiền hoặc tiền gửi.

6/ Tỷ lệ tiền gửi được bảo hiểm của khu vực ngân hàng trong nước trên tổng số dư tiền gửi của khu vực ngân hàng trong nước. Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi hợp lệ thực sự được bảo hiểm hoặc được bảo hiểm theo DIS trong nước, chẳng hạn như chúng tuân thủ những tiêu chuẩn để đưa vào và giá trị tiền gửi nằm trong hạn mức bảo hiểm tối đa.

7/ Tỷ lệ người gửi tiền của khu vực ngân hàng trong nước có tiền gửi hợp lệ được DIS trong nước bảo hiểm toàn bộ. Một người gửi tiền được xem là được bảo hiểm toàn bộ nếu tổng số tiền gửi hợp lệ của người đó, được cộng gộp từ tất cả các tài khoản tiền gửi tại mỗi tổ chức nhận tiền gửi, thuộc hạn mức bảo vệ của DIS.

8/ Tỷ lệ tài khoản tiền gửi ngân hàng trong nước hợp lệ được DIS trong nước bảo vệ đầy đủ.

9/ Với người gửi tiền đến toàn bộ tập đoàn kinh tế, bất kể có bao nhiêu tài khoản có trong mỗi ngân hàng trong nhóm.

10/ Trong trường hợp các nước thành viên EEA, DIS trong nước không đặc biệt bảo vệ tiền gửi của các chi nhánh trong nước của các tổ chức tín dụng có trụ sở đặt tại các nước EEA. Do chính phủ nước sở tại chịu trách nhiệm cung cấp hạn mức bảo hiểm tiền gửi. Tuy nhiên, chi nhánh trong nước của các tổ chức tín dụng liên doanh tại các nước ngoài khối EEA phải tham gia vào DIS trong nước.

11/ Chỉ có các chi nhánh của các ngân hàng liên doanh ở các nước EEA khác được DIS trong nước bảo hiểm.

12/ Tỷ lệ tiền gửi hợp lệ ở Đức được là mức trung bình ước tính trên toàn khu vực ngân hàng trong nước. Khoảng 40% tổng số dư tiền gửi là 3395 tỷ đô la Mỹ thuộc phạm vi bảo hiểm theo pháp luật. Cơ chế bảo hiểm tổ chức bảo vệ các tổ chức thành viên, do đó mọi khoản tiền

gửi được bảo hiểm (xấp xỉ 68% tổng số dư tiền gửi là 1,028 tỷ đô la Mỹ của hộ gia đình và doanh nghiệp).

13/ Tỷ lệ tiền gửi hợp lệ ở Italia là mức trung bình của 2 DIS hiện đang tồn tại ở nước này (42% tương ứng với FITD và 5% tương ứng với FGDCC).

14/ Tỷ lệ tiền gửi được bảo hiểm tại Italia là mức trung bình của 2 DIS hiện đang tồn tại ở nước này (29% tương ứng với FITD và 4% tương ứng với FGDCC)

15/ Tỷ lệ này ở Tây Ban Nha bảo hiểm cho các ngân hàng, ngân hàng tiết kiệm và ngân hàng hợp tác tín dụng (tổng số dư tiền gửi tương ứng là 846 tỷ đô la Mỹ, 992 tỷ đô la Mỹ và 125 tỷ đô la Mỹ)

16/ Bù trừ chỉ áp dụng đối với tiền gửi trên hạn mức bảo hiểm trong trường hợp vỡ nợ.

17/ FDIC chỉ bảo hiểm các khoản tiền gửi tại các chi nhánh tại nước ngoài của các ngân hàng trong nước nếu các khoản tiền gửi này được chỉ định là “có thể thanh toán tại Mỹ”.

18/ Cơ sở tiền gửi chỉ bao gồm tiền gửi phi ngân hàng. Tiền gửi tài khoản giao dịch của các tổ chức tín dụng khác và tiền thanh toán/tiền vay liên ngân hàng không được tính.

19/ Tiền gửi được thanh toán chỉ sau khi có đề nghị của người gửi tiền.

Nguồn: FSB DI Báo cáo Đánh giá đồng đẳng, Bảng 5

Bảng 2
Đánh giá hạn mức (Đến hết năm 2010)

| Phạm vi quyền hạn | Các loại tiền gửi được bảo hiểm | | | | | | | |
|-------------------|---------------------------------|-----------------|----------|----------------|-----------------------|------------|---------------------------------|---------------------|
| | Theo yêu cầu | Kì hạn xác định | Ngoại tệ | Liên ngân hàng | Công ty phi tài chính | Quốc doanh | Tổ chức tài chính phi ngân hàng | Người không lưu trú |
| Ác-gen-ti-na | Có | Có | Có | Không | Có | Có | Có | Có |
| Úc | Có | Có | Không | Có | Có | Có | Có | Có |
| Brazil | Có | Có | Không | Không | Có | Có | Có | Có |
| Canada | Có | Có | Không | Có | Có | Có | Có | Có |
| Pháp | Có | Có | Có 1/ | Không | Có | Không | Không | Có |
| Đức 2/ | Có | Có | Có 1/ | Không | Có | Không | Không | Có |
| Hongkong | Có | Có | Có | Không | Có | Có | Có | Có |
| Ấn Độ | Có | Có | Có | Có | Có | Có | Không | Có |
| Indonesia | Có | Có | Có | Có | Có | Có | Có | Có |
| Ý | Có | Có | Có | Không | Có | Không | Không | Có |
| Nhật Bản | Có | Có | Không | Không | Có | Có | Có | Có |
| Hàn Quốc | Có | Có | Có | Không | Có | Không 4/ | Không 5/ | Có |
| Mê-xi-cô | Có | Có | Có | Không | Có | Có | Không | Có |
| Hà Lan | Có | Có | Có | Không | Có | Không | Không | Có |
| Nga | Có | Có | Có | Không | Không | Không | Không | Có |
| Singapore | Có | Có | Không | Không | Có | Có | Có | Có |
| Tây Ban Nha 15/ | Có | Có | Có | Không | Có | Không | Không | Có |
| Thụy Sĩ | Có | Có | Có | Không | Có | Có | Có | Có |
| Thổ Nhĩ Kỳ | Có | Có | Có | Không | Không | Không | Không | Có |
| Anh | Có | Có | Có | Không | Có 6/ | Không | Không | Có |
| Mỹ | Có | Có | Có | Có | Có | Có | Có | Có |

1/ Chỉ đồng tiền của các nước trong Khu vực Kinh tế châu Âu đối với nước Pháp và trong Liên minh châu Âu đối với nước Đức (ngoài tiền gửi bằng đồng euro).

2/ Những phản ứng trong mỗi nhóm tương ứng với các cơ chế bảo đảm theo luật định. Do các cơ chế bảo hiểm tổ chức bảo vệ cho sự tồn tại của các tổ chức thành viên, nên tất cả tiền gửi đều được bảo vệ hoàn toàn.

3/ Chỉ có các công ty phi tài chính nhỏ được bảo hiểm.

4/ KDIC không bảo vệ tiền gửi của chính phủ, chính quyền địa phương, Ngân hàng trung ương Hàn Quốc, Cơ quan giám sát tài chính và KDIC. Tuy nhiên, KDIC bảo vệ tiền gửi của các cơ quan công quyền khác.

5/ KDIC không bảo vệ tiền gửi của các tổ chức thành viên phi ngân hàng (chẳng hạn như các công ty chứng khoán, các tổ chức tham gia BHTG, các ngân hàng thương mại). Tuy nhiên, KDIC bảo vệ tiền gửi của các tổ chức phi ngân hàng, tổ chức không phải là thành viên (chẳng hạn như hiệp hội tín dụng, các ngân hàng cộng đồng Saemaul,...).

6/ FSCS không bảo hiểm tiền gửi của các công ty phi tài chính nếu chúng “lớn” (như được định nghĩa trong luật FSA).

Nguồn: *Báo cáo Đánh giá đồng đẳng về cơ chế BHTG của FSB*, Bảng 6.



International Association
of Deposit Insurers

Tháng 03/2013

**HƯỚNG DẪN NÂNG CAO
VỀ
PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ
Hạn mức Bảo hiểm tiền gửi**

Tài liệu hướng dẫn

Thực hiện bởi Ủy ban Nghiên cứu và Hướng dẫn
Hiệp hội BHTG quốc tế

C/O BANK FOR INTERNATIONAL SETTLEMENTS
CENTRALBAHNPLATZ 2, CH-4002 BASEL, SWITZERLAND
TEL: +41 61 280 9933 FAX: + 41 61 280 9554

WWW.IADI.ORG

(Đơn vị chuyển ngữ: Phòng NCTH & HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)